

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **380** /2024/HC-ST.

Ngày: 21/10/2024

*Về việc: Khiếu kiện các Quyết định
hành chính trong lĩnh vực đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Định

Bà Đỗ Thị Thái

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Xét xử ngày 21 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm đã thụ lý số 213/2024/TLST-HC ngày 26 tháng 6 năm 2024, về khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2024/QĐXX-HC ngày 17/9/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 478/2024/QĐST-HC ngày 28/9/2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Phố V, xã T, thị xã S, Hà Nội.

Ủy quyền cho ông **Đào Văn T**, sinh năm 1981, trú tại: Căn hộ A Tòa nhà R, C V, K, T, Hà Nội (có mặt).

Người bị kiện: Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thị xã S, Hà Nội.

Địa chỉ: Số A, phố P, L, thị xã S, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đình N - Chủ tịch (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Việt Đ - Phó chủ tịch (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Bà **Nguyễn Thị O** – Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã S (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã T, thị xã S, thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: xã T, thị xã S, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phùng Trọng D** - Chủ tịch (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Đình V** - Phó chủ tịch (vắng mặt).

- Ông **Phùng Văn V1**, sinh năm: 1955 (vắng mặt).

- Anh **Phùng Văn M**, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

- Chị **Phùng Thị H1**, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

- Chị **Phùng Thị H2**, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Đều trú tại: Phố V, xã T, thị xã S, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện và người đại diện uỷ quyền trình bày như sau:

Ngày 21 tháng 1 năm 2022 tôi đã viết đơn khiếu nại đối với Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB số 07, kèm theo Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 12/06/2018 của UBND thị xã S phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với 18 hộ gia đình thuộc địa bàn xã T.

Ngày 15/08/2022 UBND thị xã S ra Quyết định số 814/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của tôi. Tại kết luận nội dung khiếu nại cho rằng “Diện tích 68,7m² trong tổng số 143,7m² đất ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H bị thu hồi để thực hiện Dự án thuộc chi giới hành lang giao thông do Nhà nước quản lý, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai; không được đo đạc trong bản đồ địa chính 2003 xã T; không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất là đất ở; có nguồn gốc là do ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H tự ý sử dụng từ thời điểm sau năm 2003 đến thời điểm bị thu hồi đất cho nên không đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất. Do đó, không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật”

Tôi hoàn toàn không đồng ý với ý kiến của UBND thị xã S khi cho rằng 68,7m² đất gia đình tôi đang sử dụng là do lấn chiếm sử dụng đất sau năm 2003 và từ chối việc bồi thường 68,7m² đất cho gia đình nhà chúng tôi.

Nguồn gốc đất gia đình tôi đang sử dụng là gia đình tôi nhận chuyển nhượng từ ông Kiều Văn Đ1, diện tích nhận chuyển nhượng bao gồm toàn bộ 143,7m² đất bị thu hồi, từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay gia đình tôi vẫn sử dụng ổn định diện tích đất đó vào mục đích để ở. Nhưng khi đo đạc, vẽ bản đồ số 299 năm 2003, UBND thị xã S đã tự ý cắt bỏ 68,7 m² gia đình tôi đang sử dụng tại thửa đất số 294 tờ bản đồ số 31 và cho rằng 68,7 m² đất đó là do Nhà nước quản lý.

Trong suốt quá trình sử dụng, gia đình tôi đã xây dựng công trình xây dựng phục vụ đời sống sinh hoạt trên diện tích đất bị thu hồi, những UBND thị xã S không hề có bất cứ văn bản nào thông báo đến gia đình nhà tôi về hành vi lấn chiếm đất và cũng không có biện pháp ngăn chặn đối hành vi lấn chiếm đất. Chỉ đến khi tôi có văn bản khiếu nại đến UBND thị xã S ngày 21/01/2022, thì UBND thị xã S mới thông báo trong văn bản giải quyết khiếu nại số 814/UB-UBND rằng 68,7m² gia đình tôi đang sử dụng là đất lấn chiếm.

Từ những sự việc trên rõ ràng UBND thị xã S cho rằng 68,7m² đất trong tổng số 143,7 m² đất bị thu hồi là do gia đình tôi tự ý sử dụng, không đủ điều kiện để bồi thường là hoàn toàn sai với thực tế.

Trước đó, khi căn cứ theo công văn 4955/UBND-TNMT, phần diện tích đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cho phép bồi thường 100% giá đất là phù hợp với thực tế sử dụng đất. Nhưng UBND thị xã S lại không thi hành văn bản 4955/UBND-TNMT do UBND thành phố H ban hành khi lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng mà lại thay đổi bằng một phương án bồi thường khác. Điều này là thiếu công bằng trong công tác thu hồi đất của dân, thiếu tôn trọng gây bất công và xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của gia đình tôi.

Đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Phương án bồi thường GPMB số 07, kèm theo Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 của UBND thị xã S phê duyệt thương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với 18 hộ gia đình thuộc địa bàn xã T.

- Hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H số 841/QĐ-UBND ngày 15 tháng 08 năm 2022 của Chủ tịch UBND thị xã S.

Quan điểm người bị kiện là Chủ tịch và UBND thị xã S:

1. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H.

- Thửa đất bà Nguyễn Thị H đang sử dụng bị thu hồi thực hiện Dự án có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng của ông Kiều Văn Đ2 và ông Kiều Văn Đ1 ngày 24/5/1993.

- Khoảng năm 1985-1987, UBND xã T cấp đất cho ông Kiều Văn Đ1 (Đảm) diện tích 195m² (theo Danh sách cấp đất hộ xã viên xã T từ năm 1983-1987 lưu tại UBND xã).

- Ngày 24/5/1993, ông Kiều Văn Đ2 và ông Kiều Văn Đ1 chuyển nhượng cho ông Phùng Văn V1 diện tích 169,5m², được UBND xã T xác nhận cùng ngày.

- Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H sử dụng ổn định vào mục đích để ở đến năm 2003, đo đạc bản đồ địa chính 2003 xã T xác định là thửa đất số 294 tờ bản đồ số 31, diện tích 194m² (trong đó có 75m² nằm trong hành lang giao thông chỉ giới 17,5m đường tỉnh lộ 414).

- Ngày 18/6/2008, UBND thị xã S cấp GCNQSD đất số AM737789, số vào sổ H00421 chứng nhận ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 173m² đất thuộc thửa đất số 294 tờ bản đồ số 31 tại thôn V, xã T, thị xã S, Hà Nội, trong đó 75m² nằm trong chỉ giới giao thông 17,5m đường 87 (nay là tỉnh lộ 414).

2. Quá trình thực hiện GPMB và lập Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của bà Nguyễn Thị H để thực hiện Dự án.

- Ngày 29/6/2011, ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H kê khai vào Bản tự kê khai về đất đai, tài sản công trình vật kiến trúc, cây cối hoa màu gắn liền với đất nằm trong chỉ giới GPMB thực hiện Dự án (phần chủ hộ bà Nguyễn Thị H ký, ghi rõ họ tên), kê khai diện tích đất bị thu hồi của Dự án là 144 m².

- Ngày 29/6/2011, tổ công tác của Hội đồng BT, HT&TĐC Dự án lập Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất nằm trong chỉ giới phục vụ công tác GPMB thực hiện Dự án đối với chủ sử dụng đất là ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H tại địa chỉ: Phố V, xã T, nội dung thể hiện: Tổng diện tích đất ở thực tế 268m², trong đó diện tích đất bị thu hồi là 143,7m², diện tích đất còn lại là 124,3m².

Ngày 05/11/2012, UBND xã T ký xác nhận Hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 23, tờ bản đồ địa chính số 07, diện tích 268m² (phục vụ công tác giải phóng mặt bằng Dự án) do Trung tâm K1 lập ngày 01/9/2011, tại phần chủ sử dụng đất có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị H, theo đó diện tích đất thu hồi để thực hiện Dự án là 143,7m², diện tích ngoài chỉ giới thu hồi GPMB là 124,3m².

- Giấy xác nhận về loại đất, nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án ngày 05/11/2012 của UBND xã T đối với trường hợp thu hồi đất của ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H sử dụng có nội dung:

+ Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 268m² thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 07; diện tích đất bị thu hồi 143,7m² (trong đó có 75m² là đất đã được cấp GCNQSD đất. UBND thị xã S cấp ngày 18/6/2008, số vào sổ H00421 số seri AM737789; 68,7m² chưa được cấp GCNQSD đất, không có tại thửa đất số 294 tờ bản đồ 31 (bản đồ địa chính xã T. Do gia đình tự sử dụng sau 2003); diện tích đất còn lại 124,3m².

+ Nguồn gốc đất: nhận chuyển nhượng QSD đất của ông K 1993. Thời điểm sử dụng đất: Từ năm 1993.

Ngày 05/02/2013, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 193/QĐ-UBND về việc thu hồi 143,7m² đất hiện nay ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H đang sử dụng tại phố V, xã T, thị xã S, thành phố Hà Nội để thực hiện Dự án.

- Ngày 12/6/2018, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 551/QĐ- UBND phê duyệt phương án điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với 18 hộ gia đình, cá nhân thuộc địa bàn xã T thực hiện Dự án kèm theo Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ số 07, cụ thể:

+ Diện tích có trong GCNQSD đất đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ là 75m², đơn giá bồi thường là 9.500.000 đồng/01m, tỷ lệ bồi thường 100%.

+ Không được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 68,7m² trong tổng số 143,7m² đất bị thu hồi.

- Tại Biên bản làm việc ngày 13/7/2022 giữa Thanh tra Thị xã S và UBND xã T, đại diện UBND xã T khẳng định:

+ Diện tích 75m² trong tổng số 143,7m² đất bà Nguyễn Thị H bị thu hồi để thực

hiện Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; được đo đạc trên bản đồ 2003 gắn liền với thửa đất số 294, tờ bản đồ số 31 (bản đồ địa chính xã T đo năm 2003) do nhận chuyển nhượng của ông Kiều Văn Đ2 và ông Kiều Văn Đ1 có nguồn gốc do UBND xã T cấp năm 1985- 1987 cho ông Kiều Văn Đ1 (Đảm).

+ Diện tích 68,7m² trong tổng số 143,7m² đất bà Nguyễn Thị H bị thu hồi để thực hiện Dự án là đất tự sử dụng thuộc hành lang giao thông sau năm 2003, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai, không được đo vẽ gắn liền với thửa đất số 294, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính 2003 xã T.

- Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với diện tích 68,7m² nêu trên: là đất hành lang giao thông do ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H tự ý sử dụng từ thời điểm sau năm 2003 đến thời điểm bị thu hồi đất.

Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “Khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1,2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 và Điều 104 của Luật Đất đai, các Điều 20, 22, 23, 25, 27 và 28 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được bồi thường về đất”.

- Khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “... Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất...”

- Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã S (lần đầu) là đúng theo thẩm quyền và trình tự quy định của Luật Khiếu nại. Các nội dung xác minh và kết luận trong Quyết định giải quyết khiếu nại là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; do vậy việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S là không có cơ sở.

- UBND thị xã S đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ quy định pháp luật sớm đưa vụ án ra xét xử để tránh tình trạng công dân khiếu kiện kéo dài.

Chủ tịch và UBND xã T:

1. Căn cứ hồ sơ địa chính đang quản lý tại xã:

- Tại bản đồ 299 đo đạc năm 1985, thửa đất của bà Nguyễn Thị H sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án được xác định là một phần thửa 271 tờ 09 diện tích 750m², tại bản đồ ghi ký hiệu “H” (hoang), không ghi loại ruộng đất, không có sổ dã ngoại đi kèm.

- Hệ bản đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất năm 2003 phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tỷ lệ 1/1000 được Sở T1 xác nhận (có sổ mục kê kèm theo) thể hiện: Diện tích đất bà Nguyễn Thị H sử dụng bị thu hồi một phần để thực hiện Dự án thuộc thửa đất số 294, tờ bản đồ số 31, diện tích 194m² (trong đó có 75m² nằm trong chỉ giới hành lang giao thông 17,5m²); Sổ mục kê kèm theo bản đồ ghi chủ sử dụng đất là Phùng Văn V1, diện tích 194m, loại đất: ở (T), đất ở NHL: 119m², đất ở THL: 75m².

- Bản đồ đo vẽ năm 2011 (chỉnh sửa năm 2018) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng đối với gia đình bà Nguyễn Thị H thể hiện là thửa 23 tờ bản đồ 7, diện tích 268 m² (có 143,7m² nằm trong phạm vi thu hồi).

- Sổ theo dõi các trường hợp được UBND xã T cấp đất.

2. Về nguồn gốc, quá trình diễn biến sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H:

- Thửa đất số 23 tờ bản đồ 7, diện tích 268 m² (bản đồ đo vẽ năm 2011- chỉnh sửa năm 2018) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng Dự án trên bản đồ địa chính 2003 xã T thể hiện là thửa đất số 294, tờ bản đồ số 31, diện tích 194m² bà Nguyễn Thị H sử dụng bị thu hồi một phần để thực hiện Dự án có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Kiều Văn Đ2 và ông Kiều Văn Đ1 ngày 24/5/1993.

- Khoảng năm 1985-1987, UBND xã T cấp đất cho ông Kiều Văn Đ1 (Đảm) diện tích 195m² (theo Danh sách cấp đất hộ xã viên xã T từ năm 1983-1987 lưu tại UBND xã).

- Ngày 24/5/1993, ông Kiều Văn Đ2 và ông Kiều Văn Đ1 chuyển nhượng cho ông Phùng Văn V1 diện tích 169,5m², được UBND xã T xác nhận cùng ngày.

- Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H sử dụng ổn định vào mục đích để ở, đến năm 2003 đo đạc bản đồ địa chính xã T xác định là thửa đất số 294 tờ bản đồ số 31, diện tích 194m² (trong đó có 75m² nằm trong hành lang giao thông chỉ giới 17,5m đường tỉnh lộ 414).

- Ngày 18/6/2008, UBND thị xã S cấp GCNQSD đất số AM737789, số vào sổ H00421 chứng nhận ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 173m² đất thuộc thửa đất số 294 tờ bản đồ số 31 tại thôn V, xã T, thị xã S, Hà Nội, trong đó 75m² nằm trong chỉ giới giao thông 17,5m đường 87 (nay là tỉnh lộ 414).

- Ngày 01/10/2018, Trung tâm K1 lập Hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 23 tờ bản đồ địa chính số 07 diện tích 268m² (phục vụ công tác giải phóng mặt bằng Dự án) đứng tên chủ sử dụng đất là ông Phùng Văn V1 (là chồng bà Nguyễn Thị H), trong đó diện tích thu hồi để thực hiện Dự án là 143,7m², diện tích đất ngoài chỉ giới thu hồi GPMB là 124,3m². Hồ sơ kỹ thuật thửa đất đã được chủ sử dụng đất, chủ đầu tư và UBND xã T ký xác nhận.

3. Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (lần đầu) là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện hủy các Quyết định của Chủ tịch và UBND thị xã S. Đề nghị UBND thị xã S bồi thường, hỗ trợ GPMB cho gia đình chúng tôi diện tích 68,7m² đã thu hồi đất mà đã không bồi thường cho gia đình tôi. Tôi không đồng thời khiếu nại đến Chủ tịch UBND Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của khởi kiện: Việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ GPMB cho gia đình bà H không đúng quy định pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà H.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch và UBND thị xã S:

Chủ tịch UBND thị xã S và UBND thị xã S ban hành các Quyết định hành chính về việc Thu hồi đất, về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ GPMB và giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của bà H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật TTHC, Luật Đất đai 2013; Luật Khiếu nại 2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-GP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án: Việc bà H có đơn khởi kiện đề nghị: Hủy Quyết định số 551/QĐ- UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 của UBND thị xã S phê duyệt thương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với 18 hộ gia đình thuộc địa bàn xã T, hủy

Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S, đây là quyết định Hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính thì Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND phường T, ông V1, anh M, chị H1, chị H2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157, Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử vắng mặt.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 07/4/2023 bà H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, việc khởi kiện của bà H được xác định trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Khi xem xét Quyết định khởi kiện, Hội đồng xét xử còn phải xem xét các Quyết định liên quan khác theo khoản 1 Điều 6 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 05/02/2013 của UBND thị xã S về việc thu hồi 143,7m² đất hiện nay ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H đang sử dụng tại phố V, xã T, thị xã S, Hà Nội.

- Ngày 30/7/2010, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3775/QĐ-UBND về việc phê duyệt chỉ giới đường đỏ phố T (Tl 414, đoạn qua nội thị, dài 3km), thị xã S, tỷ lệ 1/500 (Lý trình Km0+00 đến Km6+371). Ngày 28/9/2010, UBND thị xã S đã ban hành thông báo thu hồi đất số 257/TB-UBND để thực hiện dự án cải tạo nâng cấp tuyến phố T (Tỉnh lộ 414 đoạn qua nội thị, dài 3km) tại thị xã S. Quyết định số 5253/QĐ-UBND ngày 22/10/2010 của UBND thành phố H về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình bà Nguyễn Thị H:

Tại bản đồ 299 đo đạc năm 1985, thửa đất của bà Nguyễn Thị H sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án được xác định là một phần thửa 271 tờ 09 diện tích 750m², tại bản đồ ghi ký hiệu “H” (hoang), không ghi loại ruộng đất, không có sổ dã ngoại đi kèm.

Hệ bản đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất năm 2003 phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tỷ lệ 1/1000 được Sở Tl xác nhận *(có sổ mục kê kèm theo)* thể hiện: Diện tích đất bà Nguyễn Thị H sử dụng bị thu hồi một phần để thực hiện Dự án thuộc thửa đất số 294, tờ bản đồ số 31, diện tích 194m² *(trong đó có 75m² nằm trong chỉ giới hành lang giao thông 17,5m)*; Sổ mục kê kèm theo bản đồ ghi chủ sử dụng đất là Phùng Văn V1 diện tích 194m², loại đất: ở (T), đất ở NHL: 119m², đất ở THL: 75m².

Bản đồ đo vẽ năm 2011 (chỉnh sửa năm 2018) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng Dự án đối với gia đình bà Nguyễn Thị H thể hiện thửa 23 tờ bản đồ 7, diện tích 268 m² (có 143,7m² nằm trong phạm vi thu hồi) có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Kiều Văn Đ2 và ông Kiều Văn Đ1 ngày 24/5/1993.

Thửa đất số 23 tờ bản đồ 7, diện tích 268 m² (bản đồ đo vẽ năm 2011- chỉnh sửa

năm 2018) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng Dự án trên bản đồ địa chính 2003 xã T thể hiện là thửa đất số 294, tờ bản đồ số 31, diện tích 194m² bà Nguyễn Thị H sử dụng bị thu hồi một phần để thực hiện Dự án.

Khoảng năm 1985-1987, UBND xã T cấp đất cho ông Kiều Văn Đ1 (Đảm) diện tích 195m² (theo Danh sách cấp đất hộ xã viên xã T từ năm 1983-1987 lưu tại UBND xã). Ngày 24/5/1993, ông Kiều Văn Đ2 và ông Kiều Văn Đ1 chuyển nhượng cho ông Phùng Văn V1 diện tích 169,5m², được UBND xã T xác nhận cùng ngày. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H sử dụng ổn định vào mục đích để ở đến năm 2003 đo đạc bản đồ địa chính 2003 xã T xác định là thửa đất số 294 tờ bản đồ số 31, diện tích 194m² (trong đó có 75m² nằm trong hành lang giao thông chỉ giới 17,5m đường tỉnh lộ 414).

Ngày 18/6/2008, UBND thị xã S cấp GCNQSD đất số AM737789, số vào số H00421 chứng nhận ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 173m² đất thuộc thửa đất số 294 tờ bản đồ số 31 tại thôn V, xã T, thị xã S, Hà Nội, trong đó 75m² nằm trong chỉ giới giao thông 17,5m đường 87 (nay là tỉnh lộ 414).

UBND thị xã S đã căn cứ vào Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Luật đất đai 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND Thành phố H; Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của UBND thành phố H; Quyết định số 3775/QĐ-UBND ngày 30/7/2010 của UBND thành phố H, để ban hành Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 05/02/2013: Thu hồi 143,7m² đất hiện nay ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H đang sử dụng tại phố V, xã T, thị xã S, Hà Nội là đúng quy định pháp luật.

Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tỉnh 414 thị xã S thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Như vậy, UBND thị xã S thực hiện việc thu hồi 143,7m² đất hiện nay ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H đang sử dụng tại phố V, xã T, thị xã S, Hà Nội theo quy định tại khoản 1, Điều 38; Điều 44; Điều 86 Luật Đất đai năm 2003 là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét Quyết định số 551/QĐ- UBND ngày 12/6/2018 của UBND thị xã S kèm theo Phương án bồi thường GPMB số 07 cho ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H.

Căn cứ kết quả xác minh, đối chiếu các quy định pháp luật nêu trên khẳng định:

Diện tích 68,7m² trong tổng số 143,7m² đất ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H bị thu hồi để thực hiện Dự án thuộc chỉ giới HLGT do Nhà nước quản lý; không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai; không được đo đạc trong bản đồ địa chính 2003 xã T; không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất là đất ở; có nguồn gốc là do ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H tự ý sử dụng từ thời điểm sau năm 2003 đến thời điểm hồi đất cho nên không đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất. Do đó, không đủ kiện được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

UBND thị xã S căn cứ vào Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Các Nghị định của

Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội để ban hành Phương án bồi thường GPMB là có cơ sở.

Việc UBND thị xã S ban hành Quyết định phê bồi thường, hỗ trợ GPMB kèm theo Phương án chi tiết số 07 thể hiện không bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 68,7m² trong tổng số 143,7m² đất ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H bị thu hồi để thực hiện Dự án là phù hợp quy định của pháp luật. Cụ thể:

Tiền bồi thường về đất: 75m² x 9.500.000đồng = 712.000.000 đồng.

Công trình vật kiến trúc: 363.228.631 đồng.

Cây cối, hoa màu: 450.000 đồng.

Hỗ trợ, thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng: 1.000.000 đồng.

Tổng số tiền là 1.077.187.631 đồng.

Hộ gia đình ông V1, bà H được bồi thường tài sản trên đất theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố và Thông báo số 8802/STC-BG ngày 30/12/2016 của Sở T2 về việc đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, vật nuôi trên đất có mặt nước phục vụ công tác GPMB trên địa bàn thành phố năm 2017.

Vì vậy, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 kèm theo Phương án bồi thường GPMB số 07 cho ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H là đúng quy định pháp luật.

Do đó, không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 kèm theo Phương án bồi thường GPMB số 07 cho ông Phùng Văn V1 và bà Nguyễn Thị H.

[2.3] Xét Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết khiếu nại lần đầu:

Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã S là đúng quy định của pháp luật.

Như đã phân tích ở trên: UBND thị xã S ban hành Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 05/02/2013 và Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND thị xã S ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, bác nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị H là có cơ sở.

Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc hủy Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S.

Các trình bày và các ý kiến khác của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà H được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

- Luật Đất đai 2003; Luật Đất đai 2013;

- Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ;

- Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ;

- Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ;

- Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của U;

- Quyết định của UBND Thành phố: số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 và số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 về một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Xử:

1. Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKS ND TP Hà Nội;
- Các bên đương sự;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Lưu: VT, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN NGỌC HÒA